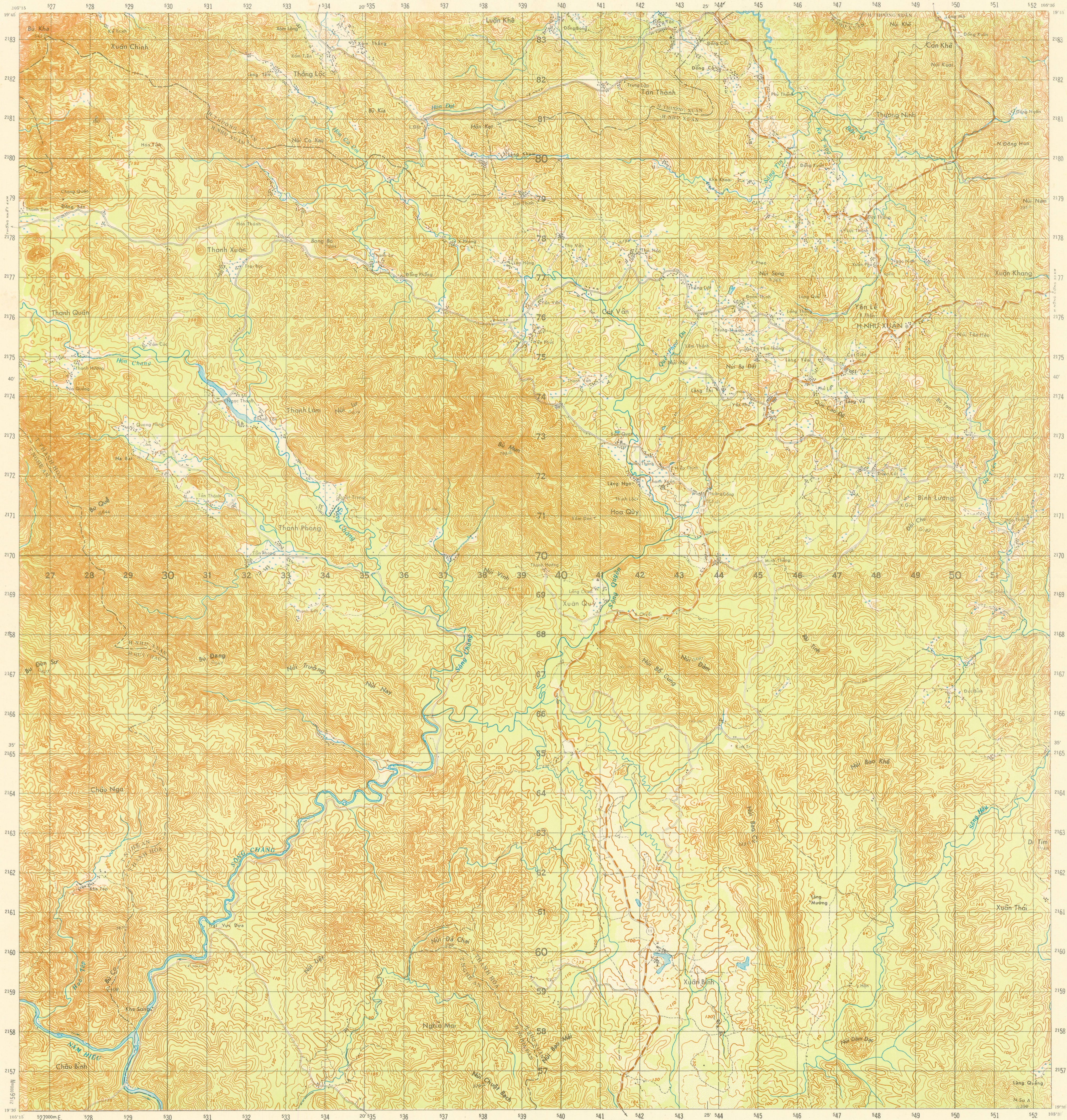




- Đường trục rải nhựa, đá, tên đường
- Đường nhánh rải nhựa, đá
- Đường đất, tên đường
- Đường đất nhỏ, đường mòn
- Đường sắt kép, ga, trạm
- Đường sắt đơn, đường goòng
- Tunnel, đèo
- Cầu lớn, cầu nhỏ
- Phà, chỗ lội qua đước

- Biên giới nước
- Ranh giới tỉnh
- Ranh giới huyện, quận
- Tỉnh lỵ, Huyện lỵ
- Lò cốt Chim, nổi Hang động
- Trạm vô tuyến, Trạm khí tượng, Hầm mỏ
- Nghĩa địa
- Đồi cao, Đồi kiểm tra, chưa kiểm tra
- Sân bay, Dừng quân năm, rừng mùa

1:50000
1 CM BẰNG 500M THỰC ĐỊA
1000M 500 0 1 2KM
KHÔNG CAO ĐỀU CỦA ĐƯỜNG BÌNH ĐỘ CƠ BẢN LÀ 20M
HỆ CHIỀU HÌNH THẺ BẦU DỤC QUẢ ĐẤT U.T.M
GỐC ĐẠI ĐỊA Ế-VỀ-RÉT
GỐC ĐỘ 1960 ẮN ĐỘ 1960
GỐC ĐỘ CAO MẶT BIỂN TRUNG BÌNH PHONG CHUNG

- Rừng già, Rừng thưa
- Bụi rậm, Đồi điện
- Chà, Cỏ phé
- Cao su, Cỏ
- Thông, Tre
- Dừa nước, Bãi biển
- Đất có thể lỵ, Đồng cỏ
- Ruộng lúa, Đồng lỵ
- Vùng đất với hay đa

0°22' (0-00, 0-07)
0°08' (0-02, 0-02)
0°30' (0-08, 0-09)
Trị số góc lệch nam châm do năm 1965

BẢNG CHẬP		
6048 IV	6048 I	6148 IV
6048 III	6048 II	6148 III
6047 IV	6047 I	6147 IV

CỤC BẢN ĐỒ TỔNG THAM MỤC Q.D.N.D.V.N
In năm 1992 theo 1:50 000 U.T.M in năm 1965
Chỉnh lý theo 1:50 000 U.T.M in năm 1965
1980 và ảnh máy bay chụp năm 1974
Cấp dưỡng theo 1:500 000 giao thông in năm 1986
và tài liệu đến tháng 9-1990
Ranh giới hành chính theo tài liệu đến tháng 9-1990